TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **241/**2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 15/6/2023.
V/v tranh chấp: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1**.** Ông: **Lê Văn Minh**;

2. Bà: **Trương Thị Út Mỹ**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Thanh Dũ** – kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 169/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ngọc Y** – sinh năm xxxx; Địa chỉ: Số xxxx, Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh **Trần Hưng T -** sinh năm xxxx; Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T (vắng mặt không lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Y trình bày:

Chị và anh Trần Hưng T cưới nhau vào năm 2017, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng

không hợp nhau nên chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Kỳ A sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện cháu đang sống với chị. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Trần Hưng T vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Trần Hưng T vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng trình tự, qui định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[2] Xét nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Hưng T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên hòa giải và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1, lần 2; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Y, anh T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh T cưới nhau vào năm 2017, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau nên chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh T

vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như đến Tòa án để giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của chị Y. Điều đó cho thấy anh T không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến vợ và con. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Lê Thị Ngọc Y.

[4] Về con chung: Chị Y khai có 01 cháu tên Trần Kỳ A sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện cháu đang sống với chị. Khi ly hôn chị Y xin được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét việc xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Y là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao cho chị Y được tiếp tục nuôi cháu Trần Kỳ A. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và anh được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí theo qui định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc Y. Chị Lê Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Trần Hưng T.

2. Về con chung: Giao chị Lê Thị Ngọc Y được tiếp tục nuôi cháu Trần Kỳ A sinh ngày xx/xx/xxxx. Anh Trần Hưng T không phải cấp dưỡng nuôi con và anh được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng án phí HNST nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0028597 ngày 27/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, nên chị Y đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cao Tuấn